

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGUYÊN CÔNG NGHỆ ERAMIC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGUYÊN CÔNG NGHỆ ERAMIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ERAMIC ERA TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ERAMIC.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109719515

**3. Ngày thành lập:** 26/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Cụm CN và Tiểu thủ CN Ngọc Hòa, Thôn Ngọc Giả, Xã Ngọc Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983.55.2121

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0128     |
| 2.  | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2011     |
| 3.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2023     |
| 4.  | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Sản xuất đường hoá học tinh luyện;<br>- Sản xuất băng gạc, đồ chèn lót, chỉ sinh học, đồ băng bó...<br>- Sản xuất các sản phẩm sinh học sử dụng làm thuốc (nghiên, tán...)<br>Sản xuất chất hoạt động thuốc được sử dụng cho dược liệu trong sản xuất dược phẩm<br>- Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng | 2100     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3250     |
| 6.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3312     |
| 7.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3900     |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4632     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Bán buôn dụng cụ y tế :Bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...;<br>- Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính...;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.                                                     | 4649(Chính) |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659        |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)                                                                                                                                                                                                                                                     | 4669        |
| 12. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh                                                 | 4772        |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán)<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                                                                        | 6619        |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020        |
| 15. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm tra, thẩm định; giám sát; quản lý dự án<br>- Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng | 7110        |
| 16. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7120        |
| 17. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7211        |
| 18. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7212        |
| 19. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7213        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập, Thanh toán hội phiếu và thông tin tỷ lệ lượng)<br>Chi tiết:<br>- Môi giới chuyển giao công nghệ<br>- Tư vấn chuyển giao công nghệ | 7490 |
| 21. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                               | 8292 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                 | 8299 |
| 23. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                 | 8531 |
| 24. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                              | 8532 |
| 25. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                               | 8533 |
| 26. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết:<br>- Phòng khám đa khoa<br>- Phòng khám chuyên khoa, bác sỹ gia đình                                                                                                                | 8620 |
| 27. | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động của các phòng thí nghiệm y học                                                                                                                                                               | 8699 |

**6. Vốn điều lệ:** 11.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN ĐẦU<br>TƯ VÀ PHÁT<br>TRIỂN<br>INOMIC | Kiot số 10, Tòa<br>CT2A - Tòa nhà<br>Hanoi Homeland,<br>đường Lý Sơn,<br>Phường Thượng<br>Thanh, Quận<br>Long Biên, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 467.500       | 4.675.000.000            | 42,500       | 0109710174                                                                                                             |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      | Tổng số                            | 467.500       | 4.675.000.000            | 42,500       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>HOÀNG KIÊN                                    | 506 - D1 Tập thể<br>Bộ NN & PTNT,<br>Phường Phương<br>Mai, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 165.000       | 1.650.000.000            | 15,000       | 0010990052<br>51                                                                                                       |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      | Tổng số                            | 165.000       | 1.650.000.000            | 15,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                         |                                                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                               |                           |         |               |        |              |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | DƯƠNG HƯNG THỊNH | Nhà số 8, TDP số 6 Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 233.750 | 2.337.500.000 | 21,250 | 033073001628 |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                               | Tổng số                   | 233.750 | 2.337.500.000 | 21,250 |              |
|   |                  |                                                                                               |                           |         |               |        |              |
| 4 | HOÀNG VĂN KHUÔNG | C2 - Tập thể Công ty Dược, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 233.750 | 2.337.500.000 | 21,250 | 017113872    |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                               | Tổng số                   | 233.750 | 2.337.500.000 | 21,250 |              |
|   |                  |                                                                                               |                           |         |               |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DƯƠNG HUNG THỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/05/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033073001628

Ngày cấp: 21/10/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Nhà số 8, TDP số 6 Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Nhà số 8, TDP số 6 Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội